

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ TIẾT DẠY ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
DẠY HÒA NHẬP CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT
Học kỳ I - Năm học 2022 - 2023**

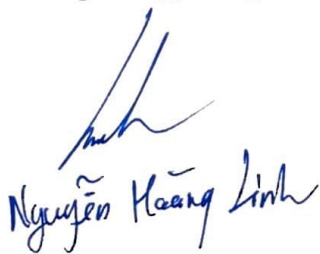
STT	Họ và tên giáo viên	Môn dạy	Số lớp dạy có học sinh khuyết tật		Số tiết dạy học sinh khuyết tật trong 1 tuần		Tổng số tiết dạy học sinh khuyết tật HKI		Ghi chú
			1 học sinh	2 học sinh trở lên	1 học sinh	2 học sinh trở lên	1 học sinh	2 học sinh trở lên	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Hồ Thị Trà My	Công nghệ	1		2		28		
2	Lê Hoàng Ngọc Trân	Công nghệ	2		3		54		
3	Tăng Trường Minh Khánh	Công nghệ	1		1		18		
4	Lê Thị Ngọc Phượng	Lịch Sử	3		7		98		
5	Nguyễn Thị Nhung	Lịch Sử	1		1		18		
6	Phạm Thị Thu	Lịch sử và Địa lý	1		3		54		
7	Huỳnh Tấn Dũng	Địa Lí	3		5		70		
8	Ngô Thị Ngọc Thủy	Địa Lí	1		2		36		
9	Nguyễn Thành Long	GDCD	2		2		36		
10	Nguyễn Thúy An	GDCD GD Địa Phương	3		3		42		
11	Trương Hoàng Ngọc Hà	GDCD	1		1		18		
12	Đoàn Trần Việt	Giáo dục thể chất	3		6		84		
13	Hoàng Nguyễn Minh Trí	Giáo dục thể chất	2		4		72		
14	Lê Thị Phương Đông	Vật lí	1		2		36		

Handwritten signature

STT	Họ và tên giáo viên	Môn dạy	Số lớp dạy có học sinh khuyết tật		Số tiết dạy học sinh khuyết tật trong 1 tuần		Tổng số tiết dạy học sinh khuyết tật HKI		Ghi chú
			1 học sinh	2 học sinh trở lên	1 học sinh	2 học sinh trở lên	1 học sinh	2 học sinh trở lên	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
15	Nguyễn Văn Thảo	Vật lí	2		2		28		
16	Đỗ Thùy Kim Thoa	Hóa học	1		2		36		
17	Đoàn Lê Trường Phát	Hóa học	1		2		28		
18	Phạm Hoàng Tuyên	Hóa học	1		2		36		
19	Đặng Thị Liên	Sinh học	1		2		28		
20	Trần Thùy Mỹ Linh	Sinh học Khoa học tự nhiên	2		6		108		
21	Nguyễn Trọng Chánh	Âm nhạc	2		2		28		
22	Lê Văn Hỷ	Âm nhạc	2		2		36		
23	Đinh Ánh Uyên	Mỹ thuật	2		2		36		
24	Nguyễn Thị Mai Trâm	Mỹ thuật	2		3		42		
25	Bùi Kim Oanh	Ngoại ngữ	1		3		54		
26	Nguyễn Hồng Phúc	Ngoại ngữ	1		2		36		
27	Vũ Thị Thu Hà	Ngoại ngữ	1		3		42		
28	Đỗ Thị Minh Cẩm	Ngữ văn	1		4		72		
29	Lê Thị Thanh Huyền	Ngữ văn	2		9		162		
30	Nguyễn Thanh Tâm	Ngữ văn	1		4		72		
31	Nguyễn Thị Kim Anh	Ngữ văn	1		4		56		
32	Chung Thị Bích Ngọc	Tin học	1		2		36		
33	Huỳnh Quang Thương	Tin học	2		4		56		
34	Lê Thị Thùy	Toán	1		4		72		

STT	Họ và tên giáo viên	Môn dạy	Số lớp dạy có học sinh khuyết tật		Số tiết dạy học sinh khuyết tật trong 1 tuần		Tổng số tiết dạy học sinh khuyết tật HKI		Ghi chú
			1 học sinh	2 học sinh trở lên	1 học sinh	2 học sinh trở lên	1 học sinh	2 học sinh trở lên	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
35	Lê Thị Tuyết Ngân	Toán	1		4		56		
36	Nguyễn Đức Chiêu Nghi	Toán	1		4		72		
37	Nguyễn Như Phúc	Toán HĐTN Hướng nghiệp	1		6		108		
38	Nguyễn Thị Hạnh Linh	Toán	1		4		72		
TỔNG					124	0	2036	0	

Người lập bảng


Nguyễn Hoàng Linh

Tân Bình, ngày 09 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG 




Nguyễn Xuân Đắc